

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2026 (ĐỢT 1)
(Kèm theo Báo cáo số /BC-STC ngày / /2026 của Sở Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán đầu năm			Điều chỉnh		Dự toán (sau điều chỉnh)		
		Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp xã	Cấp tỉnh	Cấp xã	Tổng cộng	Cấp tỉnh	Cấp xã
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CHI	58.778.057	32.577.771	26.200.286	13.486.662	3.998.350	76.263.069	46.064.433	30.198.636
A	Các khoản chi trong cân đối	57.842.444	31.642.158	26.200.286	1.269.047	3.998.350	63.109.841	32.911.205	30.198.636
I	Chi đầu tư	26.686.200	20.562.801	6.123.399	599.439	248.968	27.534.607	21.162.240	6.372.367
1	Chi đầu tư XDCB tập trung	6.014.100	4.123.791	1.890.309			6.014.100	4.123.791	1.890.309
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	15.200.000	12.184.912	3.015.088			15.200.000	12.184.912	3.015.088
3	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	4.060.000	2.841.998	1.218.002	-203.167	248.968	4.105.801	2.638.831	1.466.970
4	Chi đầu tư từ nguồn vay bội chi	999.100	999.100				999.100	999.100	0
5	Chi đầu tư phát triển khác	413.000	413.000	0	802.606	0	1.215.606	1.215.606	0
	- Chi Ngân hàng chính sách xã hội, chi các quỹ ngoài NS	413.000	413.000		2.606		415.606	415.606	0
	- Bồi thường giải phóng mặt bằng	0			800.000		800.000	800.000	0
II	Chi thường xuyên, trong đó:	29.408.395	9.895.508	19.512.887	339.852	3.749.382	33.497.629	10.235.360	23.262.269
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	14.720.579	3.804.883	10.915.696	-399.529	921.099	15.242.149	3.405.354	11.836.795
	Chi khoa học và công nghệ	722.900	476.888	246.012	-36.237	0	686.663	440.651	246.012
III	Dự phòng ngân sách	1.658.439	1.094.439	564.000	316.000		1.974.439	1.410.439	564.000
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	3.910	3.910		13.756		17.666	17.666	0
V	Chi trả nợ lãi vay đầu tư	85.500	85.500				85.500	85.500	0
B	Chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên	935.613	935.613	0	-46.431	0	889.182	889.182	0
	Vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	935.613	935.613		-46.431		889.182	889.182	0
	Vốn đầu tư để thực hiện CTMTQG	0					0	0	0
C	Chi chuyển giao	0			541.659		541.659	541.659	0
D	Khác	0			11.722.387		11.722.387	11.722.387	0